

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: **1064/2026/HN – ST**

Ngày: 04 - 6 - 2026

V/v tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Kiều Oanh;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lê Thị Sao;

2. Ông Nguyễn Anh Ngọc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 488/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 264/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Thu H, sinh ngày: 22/6/1987; số CCCD: 0511XXXXXXX do Cục C về TTXH cấp ngày 21/7/2022; HKTT: Số A Khu Ô, KP4, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh – *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tiến D, sinh ngày: 29/10/1983; số CCCD: 0790XXXXXXX do Cục C về TTXH cấp ngày 22/11/2021; HKTT: Số A Khu Ô, KP4, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh – *Vắng mặt không lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại Đơn khởi kiện ngày 07/8/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thu H trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Tiến D tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 260/2010, quyền số 01/2010 ngày 21/12/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ số A Khu Ô, phường P, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay.

Vợ chồng chung sống hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D ngoại tình, nợ nần, không có tiếng nói chung nên hai bên thường xảy ra cãi vã. Hai bên đã cố hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà H yêu cầu ly hôn với Nguyễn Tiến D để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà H xác nhận bà và ông Nguyễn Tiến D có hai con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 20/10/2011 và Nguyễn Minh H1, sinh ngày 25/9/2013. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không có.

*- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tiến D đã được Tòa án triệu tập và niêm yết, tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, không có đơn xin vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến, do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.*

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân thủ theo quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ bản tự khai của bà H cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy quan hệ hôn nhân của bà H và ông D là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông D không còn hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H trình bày là do ông D ngoại tình, nợ nần, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Hai bên đã cố hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống chung nhà nhưng không chia sẻ, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 20/10/2011 và Nguyễn Minh H1, sinh ngày 25/9/2013 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông D do bà H không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 260/2010, quyền số 01/2010 ngày 21/12/2010 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị Thu H và ông Nguyễn Tiến D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông Nguyễn Tiến D có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư ngụ tại số A Khu Ô, KP4, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[2]. Về thủ tục tố tụng:*

Bà Hồ Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Tiến D vắng mặt không có lý do. Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng ông D không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông D.

*[3]. Về yêu cầu của đương sự:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét bà Hồ Thị Thu H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tiến D.

Theo lời trình bày của bà H, quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D ngoại tình, nợ nần, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Hai bên đã cố hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống chung nhà nhưng không chia sẻ, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông D không đến Tòa làm việc chứng tỏ ông D không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà H và ông D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về quan hệ con chung:* Bà H xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 20/10/2011 và Nguyễn Minh H1, sinh ngày 25/9/2013. Khi ly hôn, bà H yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, cả hai con chung từ trước đến nay đều do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 02/4/2026 của hai trẻ đều thể hiện nguyện vọng được sống cùng nhau và mong muốn sống cùng mẹ. Việc tách hai trẻ ra sống riêng sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, việc học tập và đời sống của các con nên Hội đồng xét xử quyết định giao cả hai con chung tên Nguyễn Minh Q và Nguyễn Minh H1 cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Hồ Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[5]. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Công văn số 285/TANDTC-PC của Tòa án nhân dân tối cao ngày 31/7/2025 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

### **Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Tiến D. Quan hệ hôn nhân của bà Hồ Thị Thu H và ông Nguyễn Tiến D, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 260/2010, quyển số 01/2010 ngày 21/12/2010 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 20/10/2011 và Nguyễn Minh H1, sinh ngày 25/9/2013 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Tiến D cho đến khi bà Hồ Thị Thu H có yêu cầu.

Khi lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Tiến D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội L), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Hồ Thị Thu H chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0022899 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Thi hành án dân sự TP. HCM;
- VKSND KV9-TP. HCM;
- Lưu VP, hồ sơ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Kiều Oanh**